

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc quy định giá các loại đất năm 2008 trên địa bàn thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2007/NQ-HĐND ngày 05/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 10 về khung giá tối đa, tối thiểu và mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (áp dụng từ ngày 01/01/2008).

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2221/TTr-STC-GCS ngày 14 tháng 12 năm 2007,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1.

1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Lạt, để:

1.1. Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.2. Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

1.3. Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

1.4. Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

1.5. Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

1.6. Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

1.7. Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định tại Quyết định này.

3. Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt có trách nhiệm xây dựng phương án điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Lạt gửi Sở Tài chính (chủ trì), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục Thuế thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong các trường hợp sau:

1. Khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất, loại đô thị, loại đường phố và vị trí đất làm cho giá đất tại đó biến động.

2. Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

### **Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2008 và thay thế Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng, Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 13/6/2007 về việc bổ sung giá các loại đất năm 2007 trên địa bàn thành phố Đà Lạt của UBND tỉnh Lâm Đồng.

2. Các trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được giải quyết thì thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-~~g~~

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Handwritten signature of Huỳnh Đức Hòa*

**Huỳnh Đức Hòa**

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT**  
 (Kèm theo Quyết định số 45 /2007/QĐ - UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007  
 của UBND tỉnh Lâm Đồng).

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:**

TT	Tên Đường phố	Từ Đoạn đến Đoạn		Loại đường phố	Đơn giá đất
		Từ	Đến		
1	An Bình	Trộn Đường		3	780
2	An Dương Vương	Tiếp giáp đường Phan Đình Phùng	vào sâu 500 mét	2	2.400
	An Dương Vương	Đoạn còn lại		2	1.800
3	An Sơn	Trộn Đường		4	600
4	An Tôn	Trộn đường		4	720
5	Ankroet	Trộn Đường		2	1.020
6	Ánh Sáng	Lê Đại Hành	Nguyễn Văn Cừ	4	3.000
	Ánh Sáng	nhánh phía trong		4	1.800
7	Ba tháng Hai	Khu Hoà Bình	Ngã ba Nguyễn Văn Cừ	1	9.600
	Ba Tháng Hai	Ngã Ba Nguyễn Văn Cừ	Hoàng Văn Thụ	1	8.400
8	Ba Tháng Tư	Trộn Đường		1	4.800
9	Bà Huyện Thanh Quan	Trộn Đường		1	4.200
10	Bạch Đằng	Trộn đường		2	1.200
11	Bà Triệu	Trộn đường		1	4.200
12	Bế Văn Đàn	Trộn đường		3	360
13	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Thái Học	Nhà số 50 - Ngã Ba Thông Thiên Học	1	4.800
	Bùi Thị Xuân	hết nhà số 50 - Ngã Ba Thông Thiên Học	Ngã năm Đại học	1	6.000
14	Cao Bá Quát	Trộn đường		3	600
15	Cao Thắng	Trộn đường		3	540

ĐVT: nghìn đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên Đường phố	Từ Đoạn đến Đoạn		Loại đường phố	Đơn giá đất
		Từ	Đến		
16	Cách Mạng Tháng Tám	Bà Huyện Thanh Quan	Cù Chính Lan	3	960
17	Châu Văn Liêm	Trộn Đường		3	480
18	Chi Lăng	Trộn đường		1	3.000
19	Chu Văn An	Trộn đường		2	3.600
20	Cô Bắc	Trộn đường		2	1.320
21	Cô Giang	Trộn đường		2	1.320
22	Cổ Loa	Trộn Đường		3	840
23	Công Chúa Ngọc Hân	Trộn Đường		2	480
24	Cù Chính Lan	Trộn Đường		3	900
25	Dã Tượng	Trộn đường		4	576
26	Đa Minh	Trộn đường		3	540
27	Đình Tiên Hoàng	Trộn Đường		1	4.800
28	Đa Phú	Trộn Đường		3	600
29	Đống Đa	Đầu đường 3 tháng 4 đi vào	Hết đài phát sóng	3	1.920
	Đống Đa	Đoạn còn lại		3	840
30	Đồng Tâm	Trộn Đường		3	1.020
31	Đoàn Thị Điểm	Trộn đường		2	3.000
32	Đình Công Tráng	Trộn đường		3	720
33	Đặng Thái Thân	Trộn đường		2	1.440
34	ĐanKia	Trộn đường		3	720
35	Đào Duy Từ	Trần Phú	Nhà số 28 và 1/3	3	2.040
	Đào Duy Từ	Tiếp giáp đoạn trên	Cầu nhỏ	4	1.020
36	Đèo Prenn	Từ ngã ba Đường 3 tháng 4 - Đống Đa	Ngã ba Mimosa - Prenn	2	600
	Đèo Prenn	Ngã ba Mimosa - Prenn	Cầu Prenn	2	1.200
37	Gio An	Trộn đường		4	576
38	Hai Bà Trưng	Hải Thượng	Tản Đà	2	4.800



ĐVT nghìn đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên Đường phố	Từ Đoạn đến Đoạn		Loại đường phố	Đơn giá đất
		Từ	Đến		
	Hai Bà Trưng	Tản Đà	La Sơn Phu Tử	2	3.600
	Hai Bà Trưng	Đoạn còn lại		3	1.920
39	Hà Huy Tập	Trần Phú	Tu viện Đa Minh	1	3.600
	Hà Huy Tập	Đoạn còn lại		3	792
40	Hàn Thuyên	Trộn đường		3	624
41	Hải Thượng	Đường 3 tháng 2	Hai Bà Trưng - Hoàng Diệu	1	6.600
	Hải Thượng	Đoạn còn lại		1	3.360
42	Hồ Tùng Mậu	Trộn Đường		1	4.200
43	Hồ Xuân Hương	Chi Lăng	Đập Hồ Than Thở	2	2.100
	Hồ Xuân Hương	Đoạn còn lại		2	1.200
44	Hoàng Diệu	Hải Thượng	Yagout	1	2.880
	Hoàng Diệu	Yagout	Ngã ba Ma Trang Sơn	1	1.680
45	Hoàng Hoa Thám	Trộn Đường		3	960
46	Hoàng Văn Thụ	Đường 3 tháng 2	Huyền Trân Công Chúa	1	3.600
	Hoàng Văn Thụ	Huyền Trân Công Chúa	Hết Thác Cam Ly	1	2.400
	Hoàng Văn Thụ	Từ hết Sân bay Cam Ly	Đến hết Ngã ba Tà Nung	1	1.440
	Hoàng Văn Thụ	Đoạn còn lại		1	1.020
47	Hùng Vương	Sở Điện Lực Lâm Đồng	Trần Quý Cáp	2	4.200
	Hùng Vương	Trần Quý Cáp	Cổng 67- 69 SOS và 64C	2	3.000
	Hùng Vương	Làng SOS	Ngã ba Nam Hồ	3	1.800
	Hùng Vương (Quốc lộ 20)	Ngã ba Nam Hồ	Huỳnh Tấn Phát	2	900

*Handwritten signature or mark.*

ĐVT: nghìn đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên Đường phố	Từ Đoạn đến Đoạn		Loại đường phố	Đơn giá đất
		Từ	Đến		
	Hùng Vương (Quốc lộ 20)	Huỳnh Tấn Phát	Trường Tiểu Học Trai Mát	2	1.080
	Hùng Vương (Quốc lộ 20)	Trường Tiểu Học Trai Mát	Nhà Ga	2	1.320
	Hùng Vương (Quốc lộ 20)	Nhà Ga	Trường Nguyễn Đình Chiểu	2	960
48	Huyền Trân Công Chúa	Hoàng Văn Thụ	Hết trường Dân Tộc Nội trú	3	1.200
	Huyền Trân Công Chúa	Đoạn còn lại		3	780
49	Huỳnh Tấn Phát	Trộn đường		3	480
50	Huỳnh Thúc Kháng	Trộn đường		2	2.400
51	Khởi Nghĩa Bắc Sơn	Trộn đường		2	2.160
52	Khu Hòa Bình	Trộn đường kể cả khu vực bến xe nội thành		1	14.400
53	Kí Con	Trộn đường		3	1.680
54	Kim Đồng	Ngô Quyền	Nhà Máy nước thải	2	1.090
55	Kim Thạch	Ankroet	Trần Văn Côi	4	540
56	La Sơn Phu Tử	Trộn Đường		3	2.880
57	Lâm Văn Thạnh	QL 20 (Khai thác đá)	QL 20 (UBND Phường 11)	3	960
58	Lê Hồng Phong	Trần Phú	Triệu Việt Vương	1	3.600
59	Lê Lai	Trộn đường		4	1.080
60	Lê Đại Hành	Trần Quốc Toản	Khu Hòa Bình	1	9.600
	Lê Đại Hành	Trần Phú	Trần Quốc Toản	1	7.200
61	Lê Quý Đôn	Trộn đường		2	2.160
62	Lê Thánh Tôn	Trộn đường		3	900
63	Lê Thị Hồng Gấm	Trộn đường		1	6.000